

Nghiên cứu ứng dụng phương pháp giảng dạy tích cực vào học phần “nguyên lý kế toán” nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy tiếp cận theo CDIO tại Đại học Công nghiệp Hà Nội

Nguyễn Thị Lan Anh

Ngày nhận: 11/08/2017

Ngày nhận bản sửa: 26/12/2017

Ngày duyệt đăng: 26/12/2017

Các nghiên cứu gần đây cho thấy, khi giảng viên vận dụng các phương pháp giảng dạy tích cực thì khả năng tiếp thu và vận dụng bài học của sinh viên tăng lên. Phương pháp giảng dạy tích cực từ lâu đã được áp dụng phổ biến trong giảng dạy đại học trên thế giới. Nghiên cứu này trao đổi việc ứng dụng phương pháp giảng dạy tích cực vào giảng dạy học phần “Nguyên lý kế toán” để đáp ứng được chuẩn đầu ra tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Nghiên cứu đã khảo sát 11 giảng viên và 48 sinh viên các lớp Đại học khóa 10, năm học 2016-2017. Kết quả nghiên cứu cho thấy giảng viên chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết trình và sinh viên không thích phương pháp này. Nghiên cứu nêu quan điểm cần phải thay đổi phương pháp giảng dạy tích cực và cách đánh giá kết quả học tập của sinh viên hiện nay. Hạn chế của nghiên cứu là mẫu khảo sát khá nhỏ và chưa có nghiên cứu thực nghiệm để đánh giá lại hiệu quả của việc vận dụng phương pháp giảng dạy tích cực so với phương pháp giảng dạy truyền thống.

Từ khóa: Phương pháp giảng dạy tích cực, CDIO, giảng dạy tích cực

1. Giới thiệu

Thuyết trình là một phương pháp giảng dạy truyền thống, trong đó giảng viên nói, sinh viên ngồi nghe. Điều mà tất cả các giảng viên dễ dàng nhận thấy khi đứng

lớp thuyết trình trong một khoảng thời gian dài là sinh viên cảm thấy mệt mỏi và không chủ động tham gia vào bài giảng. Mặt khác, chỉ có mỗi giảng viên là người trình bày, nên dường như giảng viên là người chịu trách nhiệm duy nhất về thành công và chất lượng bài giảng. Điều này không khuyến khích sinh viên tích cực

học tập, gây tâm lý ỷ lại vào giảng viên. Trong thực tế, rất nhiều sinh viên không thể tiếp thu được hết những gì mà giảng viên truyền tải. Hơn nữa, việc sinh viên ghi nhớ những kiến thức mà giảng viên truyền đạt trên lớp không đồng nghĩa với việc sinh viên hiểu và có thể vận dụng được trong thực tế. Bên cạnh đó, vì sinh viên không có cơ hội để chia sẻ, đóng góp những kiến thức và kinh nghiệm của mình nên giảng viên đôi khi sẽ trình bày lại những kiến thức mà sinh viên đã biết rồi hoặc không cần thiết. Ngoài ra, giảng viên không thể thu nhận được ý kiến phản hồi từ sinh viên nên họ cũng không thể biết được những nội dung nào mà sinh viên đã hiểu, chưa hiểu và những nội dung nào cần thiết phải điều chỉnh lại. Tuy nhiên cũng không thể phủ nhận phương pháp thuyết trình là một phương pháp cơ bản, quan trọng, dễ dàng áp dụng để truyền đạt kiến thức, cung cấp thông tin trên mọi lĩnh vực và đối với các ngành nghề khác nhau. Trong một thời gian ngắn, phương pháp thuyết trình có thể cung cấp một khối lượng thông tin, kiến thức lớn cho một số lượng người nghe đông (lớp học đông), đây là ưu điểm nổi bật so với các phương pháp giảng dạy khác nên không thể loại bỏ phương pháp này được mà sử dụng ít nhất có thể và trong khoảng thời gian ngắn.

Phương pháp giảng dạy mới- phương pháp giảng dạy tích cực sẽ giúp giờ học sinh động, hấp dẫn, người học được làm việc và được sáng tạo. Đối với giảng viên, lấy người học làm trung tâm, khả năng chuyên môn của giảng viên được tăng lên, luôn đổi mới, cập nhật dưới áp lực của phương pháp giảng dạy tích cực. Dạy học là quá trình trao đổi kiến thức giữa giảng viên và sinh viên, giảng viên cũng sẽ học từ sinh viên nhiều kiến thức và kinh nghiệm thực tế, mối quan hệ này sẽ trở lên gần gũi tốt đẹp thông qua việc giải quyết các tình huống liên quan đến nội dung bài học. Đối với sinh viên sẽ thấy được là mình được học chứ không phải bị học, họ sẽ cảm thấy hạnh phúc khi được học, được sáng tạo, được thể hiện, được tiếp nhận kiến thức. Nghị quyết Hội nghị lần thứ II Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về phát triển giáo dục trong thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước nêu rõ, cần đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học hiện nay, khắc phục lối truyền thụ

một chiều, rèn luyện thành nếp tư duy, sáng tạo của người học.

Học phần Nguyên lý kế toán là học phần cơ sở của khối ngành kinh tế, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, nền tảng về nguyên lý kế toán gồm: bản chất; chức năng, vai trò của hạch toán kế toán; các nhiệm vụ, yêu cầu, quy định và các nguyên tắc cơ bản của hạch toán kế toán; đối tượng nghiên cứu của kế toán; phân loại được tài sản, nguồn hình thành tài sản của đơn vị kế toán; các phương pháp như phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp- cân đối để nghiên cứu đối tượng của hạch toán kế toán. Đây là học phần bắt buộc trước khi sinh viên bước vào chuyên ngành, do vậy kiến thức và kỹ năng sinh viên cần đạt được (quan sát, thuyết trình, ghi nhận, đóng góp ý kiến, làm việc nhóm, xử lý công việc độc lập, định hướng nghề nghiệp) là rất cần thiết, nên rất cần phải ứng dụng các phương pháp giảng dạy tích cực để sinh viên có được các kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu chuẩn đầu ra.

Tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, phương pháp giảng dạy tích cực được Nhà trường hết sức coi trọng. Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức các cuộc thi giảng viên dạy giỏi để nhân rộng các phương pháp giảng dạy tích cực ứng dụng trong nhà trường. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa Kế toán- Kiểm toán cũng tổ chức những buổi hội thảo nhằm trao đổi các phương pháp giảng dạy tích cực cho giảng viên. Năm 2017, Nhà trường bắt tay vào việc xây dựng chương trình đào tạo chuẩn đầu ra theo CDIO (hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành), theo đó việc áp dụng và triển khai phương pháp dạy học tiếp cận CDIO tại Trường có sự thay đổi và tương tác liên tục đồng bộ trong 3 yếu tố: Các chuẩn đầu ra dự định, các hoạt động dạy và học.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Phương pháp giảng dạy tích cực

Có nhiều khái niệm khác nhau về phương pháp giảng dạy tích cực. Phương pháp dạy học tích cực là một thuật ngữ rút gọn, được dùng ở nhiều nước để chỉ phương pháp giáo dục, dạy

học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. “Tích cực” trong phương pháp dạy học được dùng với nghĩa là hoạt động, chủ động; trái nghĩa với không hoạt động, thụ động chứ không dùng theo nghĩa trái với tiêu cực (Vũ Hồng Tiến, 2010).

Phương pháp giảng dạy tích cực cung cấp những cơ hội cho sinh viên được thảo luận, lắng nghe, viết, đọc, suy nghĩ về nội dung, ý tưởng, vấn đề, các mối quan tâm của người học (Meyers & Jones (1993)). Với phương pháp giảng dạy này hình thành hai vế: Đối với người học cần tích cực nhận thức, có khát vọng hiểu biết, cố gắng trí lực và có nghị lực cao trong quá trình chiếm lĩnh tri thức. Tích cực hóa các hoạt động học tập của sinh viên nhằm chuyển biến vị trí người học từ thụ động sang chủ động, từ đối tượng tiếp nhận tri thức sang chủ thể tìm kiếm tri thức để nâng cao hiệu quả trong quá trình học tập (Đặng Thành Hưng, 2002). Đối với người dạy, có những tác động để từng cá nhân sinh viên trở nên năng động hơn, linh hoạt hơn. Trong lý luận dạy học, tích cực hóa được thể hiện theo nghĩa làm cho quá trình học tập và nghiên cứu của người học tích cực đến mức tối đa so với tiềm năng và bản chất vốn có của họ, so với những điều kiện và cơ hội thực tế mà mỗi người có được (Đặng Thành Hưng, 2002)

Phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa người học là phương pháp dạy học mà ở đó giảng viên phải tạo được các hoạt động dạy học làm cho người học tích cực hơn, năng động hơn và tạo cho người học cơ hội phát huy được sự sáng tạo của mình như: Đa dạng các hình thức học (làm cho người học biết cách tự nghiên cứu tài liệu, tự đúc rút kết quả học tập, biết thảo luận, giải thích, trình bày, biết bảo vệ ý kiến, biết cách chia sẻ và chấp nhận ý kiến của người khác...). Muốn làm được như vậy, giảng viên không còn đóng vai trò là người truyền đạt kiến thức, mà trở thành người thiết kế, tổ chức, hướng dẫn các hoạt động học tập cho sinh viên. Giảng viên phải đầu tư công sức, thời gian nhiều hơn so với cách dạy học thụ động để thực hiện vai trò là người gợi mở, xúc tác, động viên, cố vấn, trọng tài trong các hoạt động tìm tòi, hào hứng, tranh luận sôi nổi của sinh viên. Về phía sinh viên, phải thể hiện vai trò hoạt động là chính trên lớp học, thể hiện sự chủ động, tích

cực, sáng tạo trong các hoạt động thông qua sự hướng dẫn của giảng viên để chiếm lĩnh tri thức và kỹ năng.

Đặc điểm của phương pháp giảng dạy tích cực: Dạy thông qua tổ chức các hoạt động học tập của sinh viên (người học làm trung tâm, người học được đặt vào những tình huống đời sống thực tế, được quan sát, thảo luận, làm thí nghiệm, giải quyết vấn đề đặt ra theo cách suy nghĩ của mình, được bộc lộ và phát huy tiềm năng sáng tạo); Dạy và học chú trọng rèn luyện phương pháp tự học cho sinh viên để có được phương pháp, kỹ năng, thói quen, ý chí tự học; Tăng cường học tập cá thể, phối hợp với học tập tương tác; Kết hợp đánh giá của người thầy với tự đánh giá của trò; Vai trò của giảng viên trong giảng dạy chủ động (là người hướng dẫn, tổ chức hoạt động).

Để phương pháp giảng dạy tích cực được áp dụng thành công cần có những điều kiện:

- *Về giảng viên*: Được đào tạo bài bản để thích ứng với những thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, nhiệt tình với công việc đổi mới giáo dục. giảng viên vừa phải có kiến thức chuyên môn sâu rộng, có trình độ sư phạm lành nghề, biết ứng xử tinh tế, biết sử dụng các công nghệ thông tin vào dạy học, biết định hướng phát triển của sinh viên theo mục tiêu giáo dục nhưng cũng đảm bảo được sự tự do của sinh viên trong hoạt động nhận thức.

- *Về sinh viên*: Dưới sự chỉ đạo của giảng viên, sinh viên phải dần dần có những phẩm chất và năng lực thích ứng với phương pháp giảng dạy tích cực như: Giác ngộ mục đích học tập, tự giác trong học tập, có ý thức trách nhiệm về kết quả học tập của mình và kết quả chung của lớp, biết tự học và tranh thủ học ở mọi lúc, mọi nơi, bằng mọi cách, phát triển các loại hình tư duy biện chứng, logic, hình tượng, tư duy kỹ thuật, tư duy kinh tế...

- *Về chương trình và sách giáo khoa*: Phải giảm bớt khối lượng kiến thức nhồi nhét, tạo điều kiện cho thầy, trò tổ chức những hoạt động học tập tích cực, giảm bớt những thông tin buộc sinh viên phải thừa nhận, ghi nhớ máy móc, tăng cường các bài toán nhận thức để sinh viên tập giải, giảm bớt các câu hỏi tái hiện, tăng cường loại câu hỏi phát triển trí thông minh, giảm bớt kết luận áp đặt, tăng cường những gợi

ý để sinh viên tự nghiên cứu phát triển bài học.

- *Thiết bị dạy học*: Là điều kiện không thể thiếu được cho việc triển khai chương trình, sách giáo khoa nói chung và đặc biệt cho việc triển khai đổi mới phương pháp dạy học hướng vào hoạt động tích cực, chủ động của sinh viên.

- *Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên*: Đánh giá là một khâu quan trọng không thể thiếu được trong quá trình giáo dục. Đánh giá thường nằm ở giai đoạn cuối cùng của một giai đoạn giáo dục và sẽ trở thành khởi điểm của một giai đoạn giáo dục tiếp theo với yêu cầu cao hơn, chất lượng mới hơn trong cả một quá trình giáo dục. Việc kiểm tra đánh giá sẽ hướng vào việc bám sát mục tiêu của từng bài, từng chương và mục tiêu giáo dục môn học ở từng lớp. Yêu cầu kiểm tra đánh giá phải công bằng, khách quan kết quả học tập của sinh viên. Bộ công cụ đánh giá sẽ được bổ sung các hình thức đánh giá khác như đưa thêm dạng câu hỏi, bài tập trắc nghiệm, chú ý hơn tới đánh giá cả quá trình lĩnh hội tri thức của sinh viên, quan tâm tới mức độ hoạt động tích cực, chủ động của sinh viên trong từng tiết học

- *Trách nhiệm của người quản lý*: Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trực tiếp về việc đổi mới phương pháp dạy học của trường mình, đặt vấn đề ở tầm quan trọng đúng mức trong sự phối hợp các hoạt động toàn diện của nhà trường. Hiệu trưởng cần tôn trọng, ủng hộ, khuyến khích mỗi sáng cải tiến dù nhỏ của giảng viên, đồng thời cũng cần biết hướng dẫn, giúp đỡ giảng viên vận dụng phương pháp dạy học tích cực thích hợp với từng môn học, đặc điểm sinh viên.

Có rất nhiều phương pháp giảng dạy tích cực hiện nay được thực hiện cụ thể:

- *Phương pháp thuyết trình*: là phương pháp chủ yếu của giảng dạy truyền thống. Người học tiếp nhận thông tin từ giảng viên một chiều, gây nhàm chán. Vậy để cho phương pháp trở thành tích cực thì giảng viên cần phải biết sử dụng, tiết chế phù hợp bằng giọng nói, ánh mắt, động tác, trao đổi bằng các câu hỏi và trả lời, nhấn mạnh những phần quan trọng. Có mở bài và tổng kết những điểm cần nhớ trong bài. Giảng viên cần nhạy bén với với thái độ tiếp thu bài học của sinh viên để thay đổi phương pháp. Theo Hartley và Davies (1978), trong 10 phút

đầu sinh viên nhớ 70% kiến thức, 10 phút cuối nhớ 10%. Sự chú ý cao độ với nguồn thông tin bên ngoài chỉ có thể đạt được từ 10 phút trở lại (Jensen, 1998). Kết quả nghiên cứu cho rằng có 2 phút dừng để thảo luận sau mỗi lần nghe khoảng 15- 20 phút và có ít nhất 2 phút để ghi lại nội dung chính thì sinh viên sẽ nhớ bài tốt hơn, ngược lại sẽ quên 75 đến 90% sau 24 tiếng (Ruhl, Hughes và Schoss, 1987).

- *Phương pháp suy nghĩ- từng cặp- chia sẻ*: Được thực hiện bằng cách cho sinh viên đọc tài liệu hoặc suy nghĩ một vấn đề, sau đó sinh viên ngồi cạnh nhau có thể trao đổi với nhau về ý kiến và kinh nghiệm của mỗi người trong một khoảng thời gian nhất định sau đó chia sẻ với cả lớp (Lyman, 1987). Để thực hiện phương pháp này, giảng viên yêu cầu sinh viên đọc bài trước ở nhà hoặc giảng viên phát tài liệu để sinh viên nghiên cứu trong một thời gian ngắn đồng thời giảng viên đưa ra một số câu hỏi liên quan để sinh viên tìm đọc và trả lời.

- *Phương pháp vấn đáp*: Là phương pháp được sử dụng thường xuyên trong quá trình dạy học, là quá trình tương tác giữa giảng viên và sinh viên qua hệ thống câu hỏi, trả lời tương ứng về một chủ đề nhất định mà giảng viên đặt ra. Với sự dẫn dắt của giảng viên, sinh viên trả lời, những suy nghĩ, ý tưởng sẽ được bộc lộ, từ đó khám phá và lĩnh hội kiến thức.

- *Phương pháp thảo luận nhóm*: Là phương pháp trao đổi ý tưởng, quan điểm, nhận thức trong một nhóm, nhóm có thể hình thành từ 5- 7 người tùy vào mục đích, yêu cầu của vấn đề học tập mà các nhóm có thể phân thành ngẫu nhiên hay có chủ định, được ổn định duy trì hay thay đổi trong từng phần của môn học, được giao cùng một nhiệm vụ hay những nhiệm vụ khác nhau. Khi làm việc nhóm, các thành viên phải làm việc theo qui định do giảng viên đặt ra hoặc chính nhóm đặt ra. Các thành viên đều làm việc chủ động, không thể ỷ lại vào một vài người hiểu biết, năng động hơn, các thành viên trong nhóm giúp đỡ nhau tìm hiểu vấn đề nêu ra trong không khí thi đua với các nhóm khác. Khi có một nhóm nào lên thuyết trình, các nhóm còn lại đặt ra câu hỏi phản biện hoặc câu hỏi đề nghị làm sáng tỏ vấn đề. Bằng cách nói ra những điều đang suy nghĩ mỗi người trong nhóm có thể nhận ra trình độ hiểu biết của mình về chủ

đề nêu ra, thấy mình cần học thêm những gì. Đây là phương pháp tạo cơ hội cho mọi người cùng tham gia, khai thác tiềm năng của mỗi cá nhân, chủ động trong điều chỉnh nhận thức của sinh viên, rèn luyện được kỹ năng diễn giải, tương tác nhóm, hùng biện, lập luận, thuyết trình trước đám đông. Tuy nhiên giảng viên phải nghiên cứu kỹ nội dung, đưa ra mục tiêu, yêu cầu của buổi thảo luận và bao quát hết các vấn đề tranh luận trong các nhóm, dẫn dắt buổi thảo luận đi đúng hướng.

- *Phương pháp học dựa trên vấn đề*: Mục tiêu là để học nhiều hơn về một chủ đề chứ không phải chỉ là để tìm ra những câu trả lời đúng cho những câu hỏi được giảng viên đưa ra (Hmelosilver, 2004). Trong phương pháp này sinh viên nắm được kiến thức mới, nắm được phương pháp lĩnh hội kiến thức mới, phát triển tư duy chủ động sáng tạo, được chuẩn bị một năng lực thích ứng với đời sống xã hội, phát hiện kịp thời và giải quyết hợp lý các vấn đề nảy sinh (Hmelosilver, 2004). Trong phương pháp này giảng viên xây dựng vấn đề, các câu hỏi chính cần nghiên cứu, nguồn tài liệu tham khảo. Sau đó giảng viên phải tổ chức lớp học để nghiên cứu vấn đề (chia nhóm, giao vấn đề, thống nhất các quy định về thời gian, phân công trình bày, đánh giá...). Các nhóm tổ chức nghiên cứu, thảo luận trả lời các câu hỏi của vấn đề đồng thời báo cáo. Phương pháp này giúp sinh viên phát huy tính tích cực chủ động, rèn luyện được các kỹ năng cần thiết, sớm tiếp cận được các vấn đề thực tiễn đồng thời đòi hỏi giảng viên không ngừng vươn lên

- *Phương pháp động não*: Động não là phương pháp giúp sinh viên trong một khoảng thời gian ngắn đưa ra được nhiều ý tưởng, nhiều giả định về một vấn đề nào đó. Nó là cách thức vận dụng kinh nghiệm và sáng kiến mỗi người trong thời gian tối thiểu tùy vấn đề đưa ra để có được tối đa những dữ kiện tốt nhất (Osborn, 1963). Để phương pháp này thực hiện hiệu quả giảng viên cần cung cấp hệ thống các thông tin làm tiền đề cho buổi học, phân trường nhóm và thư ký nhóm để ghi chép. Xác định vấn đề hay ý kiến sẽ được động não, các thành viên trong nhóm phải hiểu thấu đáo vấn đề được tìm hiểu. Cần xác định không có câu trả lời sai. Tất cả các câu trả lời, các cụm từ, ngoại trừ đều được ghi chép

lại. Vạch thời gian cho buổi làm việc và ngưng khi hết giờ

- *Phương pháp đóng vai*: Đóng vai là phương pháp tổ chức cho sinh viên thực hành một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Sinh viên được rèn luyện thực hành những kỹ năng ứng xử và bày tỏ thái độ trong môi trường an toàn trước khi thực hành trong thực tiễn; Gây hứng thú và chú ý của sinh viên, tạo điều kiện làm nảy sinh óc sáng tạo, khích lệ thay đổi thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức chính trị xã hội (Kritzerow, 1990). Phương pháp này giảng viên nêu tình huống liên quan đến nội dung của bài học để người đóng vai giải quyết tình huống đó, từ đó rèn luyện kỹ năng ứng phó các tình huống nghề nghiệp trong tương lai. Phương pháp này đòi hỏi tốn nhiều thời gian và công sức của giảng viên. Để đạt hiệu quả cao giảng viên cần làm cho sinh viên hiểu rõ vai của mình, sử dụng các tình huống thực tế liên quan đến bài học với một kịch bản chặt chẽ, cuối cùng cần phải tổng kết bài học qua tình huống đóng vai đó.

- *Phương pháp học dựa vào dự án*: Là tổ chức việc dạy và học thông qua các dự án hay công trình thực tế. Dự án ở đây được hiểu là những nhiệm vụ phức tạp từ những câu hỏi hay vấn đề mang tính chất kích thích người học tìm hiểu, khám phá (Jones và cộng sự, 1996). Giải pháp đó có thể bao gồm các trải nghiệm, triển khai. Từ đây người học có thể tham gia vào thiết kế, đưa ra các quyết định hay khảo sát các hoạt động có liên quan đến dự án. Với phương pháp học này người học có thể làm việc theo nhóm, khám phá những vấn đề gắn với cuộc sống, sau đó thuyết trình trước lớp và chia sẻ những gì họ đã làm được trong dự án của mình. Trong buổi thuyết trình có thể sử dụng các phương tiện nghe nhìn, một vở kịch, một bản báo cáo viết tay, một trang web hoặc một sản phẩm tạo ra. Bên cạnh đó, phương pháp này còn tạo ra những cơ hội nhằm giúp người học theo đuổi được những sở thích của mình và tự mình đưa ra quyết định về câu trả lời hay tìm ra giải pháp cho các vấn đề trình bày trong dự án.

- *Phương pháp nghiên cứu tình huống*: Là để miêu tả, trao đổi kinh nghiệm về cách thức giải quyết vấn đề và những mâu thuẫn trong việc được giao bằng những tình huống khác nhau

cần giải quyết trong khoảng thời gian nhất định. Sự đa dạng của các tình huống được đưa lên không chỉ khuyến khích người học phát huy tính chủ động, óc sáng tạo mà còn đem đến sự thoải mái, sảng khoái về mặt tinh thần trong lớp học, yếu tố này làm cho người học tiếp thu bài giảng dễ dàng hơn (Scholz và Olaf, 2002). Đây cũng là phương pháp giảng dạy dựa vào các sự kiện, sự việc đang diễn ra trên thực tế có liên quan đến nội dung bài học giúp sinh viên vận dụng lý thuyết đã học để giải quyết tình huống. Tình huống có thể được trình bày dưới dạng viết, một đoạn phim ngắn, một mẫu kịch ngắn trên slide. Một tình huống tốt phải cho phép có nhiều phương án lựa chọn. Phương pháp này có thể sử dụng hoạt động nhóm hoặc vấn đáp từng sinh viên chọn phương án của mình. Giảng viên đóng vai trò giám sát, trao đổi, vấn đáp và kết luận phương án.

2.2. Chất lượng đào tạo theo CDIO

CDIO là chữ viết tắt của các từ: Conceive- hình thành ý tưởng, Design- thiết kế, Implement- triển khai và Operate- vận hành, xuất phát từ ý tưởng của các khối ngành kỹ thuật thuộc 4 trường đại học (ĐH), Học viện: ĐH Công nghệ Chalmers ở Göteborg, Học viện Công nghệ Hoàng gia ở Stockholm, ĐH Linköping ở Linköping (Thụy Điển) và Học viện Công nghệ Massachusetts (Hoa Kỳ) vào những năm 1990. Đây là đề xướng quốc tế lớn được hình thành để đáp ứng nhu cầu một thập kỷ mới của các doanh nghiệp và các bên liên quan khác trên toàn thế giới trong việc nâng cao khả năng của sinh viên tiếp thu các kiến thức cơ bản, đồng thời đẩy mạnh việc học các kỹ năng cá nhân và giao tiếp, kỹ năng kiến tạo sản phẩm, quy trình và hệ thống (Hồ Tấn Nhật, 2009).

Đào tạo theo CDIO là quy trình đào tạo chuẩn đầu ra, tức căn cứ đầu ra để thiết kế đầu vào, đảm bảo tính khoa học và tính thực tiễn chặt chẽ. Có thể nói đây là một giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu xã hội, gắn kết được cơ sở đào tạo với yêu cầu của người tuyển dụng, giúp người học phát triển toàn diện các kỹ năng cứng và kỹ năng mềm để nhanh chóng thích ứng với môi trường làm việc luôn thay đổi. Giúp các chương trình đào tạo được

xây dựng và thiết kế theo một quy trình chuẩn, các công đoạn quá trình đào tạo có tính liên thông và gắn kết khoa học chặt chẽ.

Đào tạo theo mô hình CDIO phải đảm bảo 12 tiêu chuẩn:

Tiêu chuẩn 1: Bối cảnh. Tiêu chuẩn này xuất phát từ nguyên lý, việc phát triển và triển khai vòng đời của sản phẩm, quy trình và hệ thống hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành là bối cảnh giảng dạy kỹ thuật;

Tiêu chuẩn 2: Chuẩn đầu ra. Chuẩn đầu ra chi tiết, cụ thể đối với những kỹ năng cá nhân và giao tiếp, kỹ năng kiến tạo sản phẩm, quy trình, hệ thống cũng như kiến thức chuyên môn phải nhất quán với các mục tiêu chương trình và được phê chuẩn bởi các bên liên quan của chương trình;

Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo tích hợp. Chương trình đào tạo được thiết kế có các khóa học kiến thức chuyên ngành hỗ trợ lẫn nhau, có một kế hoạch rõ ràng trong việc tích hợp các kỹ năng cá nhân và giao tiếp, kỹ năng kiến tạo sản phẩm, quy trình và hệ thống;

Tiêu chuẩn 4: Giới thiệu về kỹ thuật. Một môn giới thiệu mang lại khung chương trình cho thực hành kỹ thuật trong việc kiến tạo sản phẩm, quy trình, hệ thống và giới thiệu các kỹ năng cá nhân và giao tiếp thiết yếu;

Tiêu chuẩn 5: Các trải nghiệm thiết kế- triển khai. Một chương trình đào tạo gồm ít nhất hai trải nghiệm thiết kế- triển khai, bao gồm một ở trình độ cơ bản và một ở trình độ nâng cao;

Tiêu chuẩn 6: Không gian làm việc kỹ thuật. Không gian làm việc kỹ thuật và các phòng thí nghiệm hỗ trợ, khuyến khích học tập thực hành trong việc kiến tạo sản phẩm, quy trình và hệ thống; kiến thức chuyên ngành; học tập xã hội;

Tiêu chuẩn 7: Các trải nghiệm học tập tích hợp. Các trải nghiệm học tập tích hợp đưa đến việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành cũng như các kỹ năng cá nhân và giao tiếp, kỹ năng kiến tạo sản phẩm, quy trình và hệ thống;

Tiêu chuẩn 8: Học tập chủ động. Giảng dạy và học tập dựa trên phương pháp học tập trải nghiệm chủ động;

Tiêu chuẩn 9: Nâng cao năng lực về kỹ năng của giảng viên. Các hành động nâng cao năng lực của giảng viên trong các kỹ năng cá nhân và giao tiếp, các kỹ năng kiến tạo sản phẩm, quy

trình và hệ thống;

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao năng lực về giảng dạy của giảng viên. Các hành động nâng cao năng lực của giảng viên trong việc cung cấp các trải nghiệm học tập tích hợp, trong việc sử dụng các phương pháp học tập trải nghiệm chủ động và trong đánh giá học tập của sinh viên;

Tiêu chuẩn 11: Đánh giá học tập. Đánh giá học tập của sinh viên về các kỹ năng và giao tiếp, các kỹ năng kiến tạo sản phẩm, quy trình và hệ thống cũng như kiến thức chuyên ngành;

Tiêu chuẩn 12: Kiểm định chương trình. Một hệ thống kiểm định chương trình theo 12 tiêu chuẩn này và cung cấp phản hồi đến sinh viên, giảng viên và các bên liên quan khác cho mục đích cải tiến liên tục.

Đào tạo theo cách tiếp cận CDIO cần phải xây dựng chương trình đào tạo chặt chẽ gồm: Xây dựng chuẩn đầu ra, thiết kế khung chương trình và cách truyền tải nó trong thực tiễn. Điểm quan trọng nhất ở chương trình đào tạo là đề cương CDIO, đây là tuyên bố về mục tiêu chương trình đào tạo mà 12 tiêu chuẩn CDIO được thiết kế nhằm đạt mục tiêu đó. Việc dạy và học như thế nào để sinh viên lĩnh hội đủ kiến thức, kỹ năng, thái độ trong đề cương đã đặt ra. Một chương trình đào tạo tốt, một cơ sở vật chất hiện đại là chưa đủ nếu không có một đội ngũ giảng viên giỏi biết vận dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy tích cực trong giảng dạy. Mỗi một phương pháp giảng dạy sẽ giúp sinh viên đáp ứng được chuẩn đầu ra theo CDIO cụ thể: Phương pháp động não giúp sinh viên tư duy sáng tạo, đề xuất, giải pháp; Phương pháp suy nghĩ từng cặp chia sẻ giúp sinh viên có cấu trúc giao tiếp, tư duy xét đoán, phản biện; Phương pháp học dựa trên vấn đề giúp sinh viên xác định và hình thành vấn đề, đề xuất các giải pháp, trao đổi, phán xét, cân bằng trong hướng giải quyết; Phương pháp thảo luận nhóm giúp sinh viên có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp; Phương pháp đóng vai giúp sinh viên tư duy suy xét, phản biện, nhận biết kiến thức, kỹ năng, thái độ cá nhân của bản thân; Phương pháp học dựa vào dự án giúp sinh viên lập giả thuyết, kỹ năng thiết kế triển khai, kỹ năng thuyết trình; Phương pháp nghiên cứu tình huống giúp sinh viên đề ra các giải pháp, ước lượng, phân tích định tính.

3. Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu này, tác giả đã khảo sát 11 giảng viên trong bộ môn Kế toán công, chuyên giảng dạy học phần Nguyên lý kế toán qua các kỳ và 48 sinh viên Đại học khóa 10, năm học 2016 – 2017 đã học xong học phần Nguyên lý kế toán tại Khoa Kế toán- Kiểm toán, Đại học Công nghiệp Hà Nội. Thời gian khảo sát là tháng 6/2017.

Thiết kế thăm dò ý kiến của sinh viên trên các góc độ: Mức độ hứng thú của sinh viên trong giờ học, nội dung môn học, nguồn tài liệu, không khí lớp học, mức độ sử dụng phương pháp dạy học của giảng viên, về hình thức tổ chức lớp học, về hình thức kiểm tra, đánh giá và những ý kiến của sinh viên nhằm nâng cao chất lượng dạy học cho học phần Nguyên lý kế toán. Thiết kế thăm dò ý kiến của giảng viên về: Năng lực của giảng viên, nguyên nhân dẫn đến kết quả học tập, mức độ sử dụng phương pháp dạy học của giảng viên, cách thức trao đổi học hỏi kinh nghiệm, cách thức tổ chức lớp học, đánh giá, ý kiến về việc nâng cao chất lượng học học phần nguyên lý kế toán.

Về dữ liệu thu thập, tác giả đã phát phiếu điều tra tới giảng viên và sinh viên, đồng thời kết hợp phỏng vấn để có được thực trạng việc dạy và học của học phần này trong thời gian qua. Về phân tích dữ liệu: Phương pháp nghiên cứu định tính được áp dụng trong nghiên cứu. Phương pháp thống kê mô tả và phân tích nội dung được sử dụng để phân tích dữ liệu kết quả khảo sát đã được tổng hợp; Phân tích thực trạng việc dạy và học của học phần nguyên lý kế toán để từ đó có giải pháp vận dụng phương pháp giảng dạy tích cực hiệu quả nhất trong từng nội dung giảng dạy của học phần này.

4. Thực trạng việc dạy và học môn Nguyên lý kế toán tại Khoa Kế toán- Kiểm toán, Đại học Công nghiệp Hà Nội

Học phần Nguyên lý kế toán được thiết kế làm 6 chương: Chương 1- Tổng quan về kế toán, Chương 2- Phương pháp chứng từ kế toán, Chương 3- Phương pháp tính giá, Chương 4- Phương pháp tài khoản kế toán và sổ kế toán, Chương 5- Phương pháp tổng hợp cân đối kế

Bảng 1: Kết quả học tập học phần nguyên lý kế toán của đại học khóa 10 (Tháng 6-2017)

STT	Lớp	Điểm đánh giá							
		A	B+	B	C+	C	D+	D	F
1	ĐH Kế toán 1	39	13	5	4	1	7	2	9
2	ĐH Kế toán 2	16	15	13	15	7	12	1	1
4	ĐH Kế toán 4	30	19	11	8	7	0	2	3
5	ĐH Kế toán 5	26	16	3	8	5	4	1	17
6	ĐH Kế toán 6	24	19	12	12	4	6	0	3
7	ĐH Kế toán 7	13	13	10	16	6	4	2	6
8	ĐH Kế toán 8	61	4	1	0	1	1	0	2
9	ĐH QTKD 1	9	14	11	14	10	9	6	12
10	ĐH QTKD 2	8	0	26	0	23	0	17	11
11	ĐH QTKD 3	8	11	18	22	3	11	3	8
12	ĐH QTKD 4	16	16	8	6	13	7	8	11
13	ĐH QTKD 5	2	2	5	7	12	13	9	35
14	ĐH QTNL 1	4	8	10	17	15	10	4	17
15	ĐH Kiểm toán 1	8	0	16	0	36	0	19	10
16	ĐH Kiểm toán 2	6	0	14	0	25	0	19	12
Tổng cộng		270	150	163	129	168	84	93	157
Tỷ lệ (%) / tổng số 1.214 sinh viên ĐH khóa 10		22,2	12,4	13,4	10,6	13,8	6,9	7,7	12,9

Nguồn: Trung tâm quản lý chất lượng- Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Bảng 2. Mức độ hứng thú của sinh viên với học phần nguyên lý kế toán

Mức độ	Số lượng (48)	Tỷ lệ (%)
Rất thích học	5	10,4
Có hứng thú	8	16,6
Bình thường	28	58,5
Chán nản, không muốn học	7	14,5

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

Bảng 3. Đánh giá về nội dung môn học Nguyên lý kế toán

Đánh giá	Số lượng (48)	Tỷ lệ (%)
Trừu tượng	8	16,6
Trực quan	10	20,8
Phức tạp	30	56,6
Đơn giản	3	6
Ý kiến khác	0	0

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

toán, Chương 6- Kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu. Với việc phân bố chương trình trong 3 tín chỉ, đủ để giảng viên có thể truyền tải hết kiến thức, kỹ năng, thái độ đến cho người học.

Học phần Nguyên lý kế toán có cách kiểm tra đánh giá hiện nay: 30% số điểm của môn học là điểm trên lớp, 70% là điểm thi viết trên trung

tâm quản lý chất lượng (có 30% là trắc nghiệm, 70% bài tập tự luận). Với cách kiểm tra này, giảng viên có ít hình thức đánh giá năng lực, kiến thức của sinh viên. Sinh viên cũng không có nhiều cách để thể hiện sự hiểu biết của mình về bài học.

Kết quả học tập của sinh viên cho thấy, sinh viên đạt điểm A có 270 sinh viên chiếm 22,2%,

Bảng 4. Nguồn tài liệu môn học Nguyên lý kế toán

Nguồn tài liệu	Số lượng (48)	Tỷ lệ (%)
Tìm trong thư viện	4	8,3
Giảng viên giới thiệu giáo trình cung cấp tài liệu và Web liên quan đến môn học	41	85,4
Nguồn khác	3	6,25

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

Bảng 5. Mức độ sử dụng các phương pháp dạy học và nhận định của sinh viên

Mức độ	Giảng viên				Sinh viên			
	10% đến 20%	30% đến 40%	50% đến 70%	80% đến 90%	Rất thích	Thích	Trung bình	Không thích
Tên phương pháp								
PP Thuyết trình	1	2	7	1	1	2	11	34
PP Vấn đáp, suy nghĩ từng cặp, chia sẻ	3	5	3	0	38	3	4	3
PP Thảo luận nhóm, dựa trên vấn đề	8	3	0	0	32	5	3	8
PP Động não	7	4	0	0	40	2	3	3
PP Đóng vai	0	0	0	0	15	17	8	8
PP Dạy theo dự án	0	0	0	0	0	0	17	31
PP Dạy theo tình huống	9	2	0	0	39	4	5	0

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

điểm B và B+ có 313 sinh viên chiếm 25,8%, điểm C và C+ có 297 sinh viên chiếm 24,4%. Số còn lại là D và F có 334 sinh viên chiếm 27,5%.

Kết quả khảo sát 48 sinh viên (mỗi lớp trung bình lấy 6 sinh viên đến từ các lớp đại học chính qui chuyên ngành kế toán, kiểm toán) cho thấy đa số sinh viên được khảo sát chưa hứng thú với môn học (Bảng 2).

Số liệu Bảng 2 cho thấy, nhìn chung sinh viên cảm thấy bình thường khi học môn Nguyên lý kế toán (58,5%), một số rất hứng thú học (10,4%), một số có hứng thú (16,6%) và chán nản không muốn học (14,5%).

Kết quả khảo sát đánh giá nội dung học phần nguyên lý kế toán (Bảng 3) cho thấy, 73,2% sinh viên trong mẫu khảo sát cho rằng là nội dung học phần còn trừu tượng và phức tạp, 26,8% cho rằng trực quan và đơn giản.

Về nguồn tài liệu cho sinh viên, theo Bảng 4, có 41% nguồn tài liệu là do giảng viên cung cấp và sinh viên tự động chưa tìm kiếm tài liệu từ các nguồn khác phục vụ cho mình.

Về năng lực giảng viên khi phỏng vấn trưởng bộ môn cho thấy, các giảng viên rất nhiệt tình, tâm huyết với nghề, chịu khó, kiến thức chuyên môn tốt và khả năng sư phạm cao. Giảng viên

thường xuyên thực hiện trao đổi, học hỏi về phương pháp giảng dạy thông qua tự nghiên cứu, dự giờ, trao đổi với đồng nghiệp. Kết quả khảo sát về nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả học tập học phần Nguyên lý kế toán, các giảng viên đều cho rằng sinh viên hiện nay rất thụ động, lười học, ý lại hoàn toàn vào kiến thức mà các thầy cô cung cấp mà không chịu tìm đọc thêm tài liệu, trao đổi mặc dù giảng viên cũng đã vận dụng các phương pháp giảng dạy tích cực trong học phần.

Kết quả Bảng 5 cho thấy, phương pháp thuyết trình được giảng viên sử dụng nhiều, có 7 giảng viên (63,6%) cho rằng đã sử dụng phương pháp này từ 50 đến 70% thời gian giảng dạy và sinh viên nhận định là không thích phương pháp này (70,8%). Phương pháp vấn đáp, suy nghĩ từng cặp, chia sẻ giảng viên cũng đã sử dụng thời lượng chiếm 30% đến 40% thời gian trong bài giảng và sinh viên rất thích phương pháp này (79,1%). Phương pháp thảo luận nhóm, dựa trên vấn đề giảng viên cũng sử dụng trong bài giảng, tuy nhiên thời gian sử dụng ít, có 72% giảng viên sử dụng phương pháp này với thời gian giảng dạy 10% đến 20% nhưng sinh viên nhận định là rất thích phương pháp này, chiếm (66,6%). Phương pháp động não được

Bảng 6. Về hình thức kiểm tra đánh giá của giảng viên

Hình thức kiểm tra, đánh giá	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Đôi khi	Không bao giờ
Vấn đáp	5	3	3	0
Viết- Tự luận	10	1	0	0
Đánh giá qua các bài báo	0	0	0	11
Làm tiểu luận	0	0	0	11

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

Bảng 7. Ý kiến của giảng viên góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học

Ý kiến	Giảng viên		Sinh viên	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Thay đổi phương pháp dạy học theo hướng tích cực	11	100	40	83,3
Thay đổi nội dung, chương trình	9	81,8	30	62,5
Thay đổi cách kiểm tra, đánh giá	10	90,9	32	66,6
Ý kiến khác	2	18,1	10	20,2

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

sử dụng trong quá trình giảng dạy cũng rất thấp, chiếm từ 10% đến 20% thời gian giảng dạy (72,7% giảng viên sử dụng) đồng thời sinh viên cũng rất thích phương pháp này (83,3%). Cũng tương tự như phương pháp động não và thảo luận nhóm thì phương pháp dạy theo tình huống cũng được giảng viên sử dụng nhưng rất ít, trong khi sinh viên rất thích phương pháp này. Các phương pháp như đóng vai và dạy theo dự án, theo khảo sát giảng viên không dùng.

Phương pháp đóng vai đã được dạy ở các học phần khác nên nhận định của sinh viên cũng rất thích phương pháp này. Phương pháp dạy theo dự án sinh viên chưa được học nên sinh viên nhận định là không thích.

Cũng trên cơ sở phỏng vấn giảng viên cho rằng, việc vận dụng các phương pháp giảng dạy tích cực là cần thiết nhưng cần phải có lộ trình đào tạo giảng viên sử dụng phương pháp này một cách bài bản. Hiện nay các phương pháp mà giảng viên vận dụng đều là tự học, tự vận dụng và không có đánh giá.

Về hình thức kiểm tra đánh giá học phần này được cụ thể tại Bảng 6 cho thấy: Hình thức vấn đáp giảng viên đã sử dụng ở mức thường xuyên và rất thường xuyên (72,7%); Hình thức viết- tự luận vẫn là hình thức kiểm tra đánh giá được giảng viên sử dụng chủ yếu; Các phương pháp đánh giá qua bài báo và làm tiểu luận không được sử dụng. Nguyên nhân là do lớp đông nên việc vận dụng các phương pháp đánh giá khác

nhau để đo lường kết quả người học là rất khó. Ý kiến của giảng viên góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học: Bảng 7 cho thấy, 100% giảng viên cho rằng cần phải thay đổi phương pháp giảng dạy mới có thể nâng cao chất lượng giảng dạy tiếp cận được CDIO. Có 81,8% cho rằng cần phải thay đổi nội dung chương trình đào tạo, 90,9 % cần phải thay đổi cách kiểm tra, đánh giá. Điều này cũng đồng nhất với quan điểm của sinh viên trên tất cả các ý kiến.

5. Khuyến nghị và kết luận

Qua việc đánh giá thực trạng về việc dạy và học môn Nguyên lý kế toán tại Khoa Kế toán- Kiểm toán, Đại học Công nghiệp Hà Nội như trên, cho thấy cần thiết phải thay đổi phương pháp dạy và học của học phần này. Để có được chất lượng như mong muốn đạt chuẩn CDIO đòi hỏi cần có sự cố gắng rất lớn từ cả giảng viên, sinh viên và sự hỗ trợ của nhà trường về cơ sở vật chất, chương trình, nguồn tài liệu. Do vậy để thay đổi được cũng cần phải có thời gian và sự cố gắng của tất cả các giảng viên dạy các học phần khác nhau. Bên cạnh phương pháp giảng dạy tích cực, phương pháp thuyết trình truyền thống (thuyết trình) vẫn được sử dụng nhưng ở mức hiệu quả hơn.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng cần phải: Thay đổi phương pháp giảng dạy, cập nhật đổi mới nội dung chương trình môn học và thay đổi cách

Bảng 8. Tình huống tiếp cận môn học Nguyên lý kế toán

Tình huống	Câu hỏi	Các vấn đề giải quyết trong tình huống, phương pháp thực hiện
<p>Một cửa hàng phở tô khi thành lập cần đầu tư những gì? Tiến hành hoạt động phở tô cần làm gì? Đầu kỳ, trong kỳ và cuối kỳ chủ cửa hàng cần thông tin nào?</p>	<p>Chương 1: Tổng quan về kế toán các câu hỏi cần giải quyết: Chủ cửa hàng bỏ bao nhiêu vốn? Thuế cửa hàng ở đâu? Máy móc thiết bị, vật tư, chi phí để tiến hành hoạt động là gì? Tiền thu được từ đâu và trả cho ai? Doanh thu một tháng bao nhiêu? Chi phí một tháng bao nhiêu? Lãi một tháng bao nhiêu? Cuối tháng còn tồn bao nhiêu vật tư? Có ai nợ không? Nợ ai không? Nhân công phải thuê không, chi phí bao nhiêu?</p> <p>Chương 2: Phương pháp chứng từ kế toán. Kể tên các chứng từ phát sinh liên quan theo nghiệp vụ phát sinh của cửa hàng phở tô. Cách lập chứng từ?</p>	<p>Từ các câu hỏi đã nêu, yêu cầu sinh viên thành lập nhóm, thảo luận, trao đổi, giải quyết hệ thống hóa nội dung của chương như kế toán là gì; các thước đo, nguyên tắc, yêu cầu, các thước đo sử dụng, đối tượng kế toán.</p>
	<p>Chương 3: Phương pháp tính giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính giá mua vào: Giấy, mực, máy phở tô, linh kiện mua từ bên ngoài nếu mua tại nơi bán giá khác, mua ship đến cửa hàng giá khác. Vậy tính giá như thế nào? - Để ra giá thành của 1 trang phở tô là bao nhiêu tiền cần làm thế nào? - Nếu giấy, mực, linh kiện mua vào với từng lần giá khác nhau thì khi xuất ra để dùng thì tính theo giá nào? 	<p>Hình thành nhóm trao đổi. Gọi các nhóm lên bảng ghi các chứng từ đã liệt kê, từ đó khái quát khái niệm, phân loại, luận chuyên chứng từ. Đề hiệu quả hơn sử dụng phương pháp đóng vai, đóng não.</p>
	<p>Chương 4: Phương pháp tài khoản, sổ kế toán</p> <p>Tiền góp vốn để mở cửa hàng, tiền chi ra mua giấy, mực, linh kiện, thuế cửa hàng, các dụng cụ cần thiết để làm phở tô, tiền thu từ phở tô, tiền khách hàng phở tô nợ, tiền cửa hàng nợ tiền mua giấy, mực... Vậy tất cả các thông tin đó được ghi chép vào sổ nào?</p>	<p>Từ tình huống thực tế khái quát vào bài bài để nêu nội dung và trình tự tính giá cụ thể. Đồng thời mỗi nhóm lên thuyết trình, các nhóm phản biện, giảng viên tổng kết và đánh giá cho điểm.</p>
	<p>Chương 5: Phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán</p> <p>Minh họa bằng một bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh của cửa hàng, từ đó đặt câu hỏi tại sao cần phải lập các báo cáo này? Vai trò của các báo cáo này cung cấp thông tin gì?</p>	<p>Từ tình huống khái quát vào bài làm rõ cách ghi chép vào sổ kế toán, sửa sổ, định khoản, nguyên tắc, kết cấu. Sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp để giải quyết vấn đề.</p> <p>Từ tình huống khái quát vào bài để thấy được ý nghĩa và cách lập của từng báo cáo.</p>

<p>Từ tình huống khái quát thành 3 quá trình kinh doanh chủ yếu và ghi nhận cụ thể như thế nào vào tài khoản và sổ kế toán.</p>	<p>Vận dụng phương pháp thảo luận nhóm, động não, vấn đáp để giải quyết tình huống.</p>
<p>Chương 6: Hạch toán quá trình kinh doanh chủ yếu Yêu cầu sinh viên theo nhóm kể tên các nghiệp vụ phát sinh thuộc 3 quá trình mua hàng, sản xuất và bán hàng</p>	<p>Các thông tin cần có để quản lý là gì? Kế toán cần phải làm như thế nào?</p>
<p>Giả định cửa hàng mở rộng sản kinh doanh, các vấn đề về thuê cửa hàng, vốn, nhân sự, vật tư, mua hàng, bán hàng, vận chuyển, chiết khấu, bán chịu, thu nợ, tăng vốn, doanh thu, chi phí, lãi lỗ. Thông tin quản lý liên quan đến nhiều cửa hàng</p>	

Nguồn: Tác giả tự đề xuất

đánh giá của giảng viên về học phần Nguyên lý kế toán, cụ thể:
Thứ nhất, thay đổi phương pháp giảng dạy tích cực. Học phần Nguyên lý kế toán là một học phần khó, để học tốt học phần này người học phải có các kiến thức về các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ở nhiều góc độ như nhà quản lý, nhà đầu tư, chủ nợ, chủ sở hữu và đặc biệt là người cung cấp thông tin cho nhà quản lý, vai trò, vị trí của nó trong công việc để từ đó xác định được tầm quan trọng của học phần. Đây là học phần đầu tiên của nghề kế toán, kiểm toán- nhập môn nên việc giảng dạy cần phải khơi dậy tinh thần yêu nghề ngay từ đầu cho các sinh viên. Các câu hỏi sinh viên thường đặt ra học môn học này để làm gì? Doanh nghiệp có áp dụng giống như học không?

Không có nội dung giảng nào chỉ sử dụng một phương pháp. Để việc truyền đạt kiến thức đạt hiệu quả cao, người giảng cần vận dụng song song nhiều phương pháp. Một số phương pháp giảng dạy tích cực được vận dụng như sau: Phương pháp giảng dạy tình huống để sinh viên tiếp cận theo hướng thực tiễn, theo hướng tự suy nghĩ và tìm cách giải quyết vấn đề. Tiến hành thiết kế một tình huống mô phỏng lại hoạt động của doanh nghiệp trong một tháng. Tình huống này được sử dụng từ chương 1 đến chương 6, mỗi chương giải quyết một vấn đề trong tình huống đã nêu (Bảng 8).

Ngoài ra các phương pháp giảng dạy tích cực khác như phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp động não, phương pháp thuyết giảng cũng cần được đan xen. giảng viên phải đưa nhiều tình huống khác nhau trong thực tiễn để giải quyết tương tự như tình huống trên.

Thứ hai, cập nhật đổi mới chương trình môn học. Khi chuyển hướng giảng dạy theo cách tiếp cận CDIO thì chương trình cần phải thay đổi căn bản. Chỉ đưa vào những học phần thực sự cần thiết cho chuyên ngành và có sự tích hợp chặt chẽ giữa các học phần. Chuẩn đầu ra của ngành kế toán cần được xác định rõ ràng về kiến thức, kỹ năng, thái độ đạt được và phải công bố cam kết với toàn xã hội. Tiếp cận theo tình huống và dựa theo vấn đề có thật trên thực tế phát sinh tại các doanh nghiệp kết hợp với thảo luận nhóm, động não, vấn đáp, đóng vai. Thường xuyên đặt sinh viên vào vị trí của một nhân viên kế toán để xem xét vấn đề và trả lời câu hỏi của giảng viên. Có như vậy người học ra trường mới làm được việc ngay mà không phải đào tạo lại.

Thứ ba, thay đổi cách đánh giá của giảng viên về học phần nguyên lý kế toán bằng cách cho điểm dưới nhiều hình thức. Ngoài việc đánh giá thông qua viết tự luận vẫn là chủ yếu thì giảng viên cần sử dụng các hình thức khác để đánh giá kết quả học tập của sinh viên như: Vấn đáp, bài tập lớn, thảo luận nhóm, chấm vở bài tập. Các dạng đề thi tự luận cũng cần thay đổi theo hướng đưa nhiều tình huống vào để sinh viên xử lý linh hoạt trong các trường hợp khác nhau.

Tóm lại, có nhiều phương pháp và cách thức tổ chức dạy học tích cực nhằm phát huy tính chủ động, độc lập và sáng tạo của sinh viên, điều đó có ý nghĩa thiết thực trong việc đổi mới phương pháp dạy học ở đại học theo chuẩn CDIO và cũng nhằm đáp ứng cho việc đào tạo tín chỉ hiện nay. Trong khuôn khổ bài viết này chúng tôi đã đưa ra một

số phương pháp giảng dạy tích cực đã vận dụng hiệu quả trong giảng dạy học phần Nguyên lý kế toán tại Khoa Kế toán- Kiểm toán- Trường

Đại học công nghiệp Hà Nội, qua đó, sinh viên có thể nắm chắc kiến thức và vận dụng linh hoạt, sáng tạo. ■

Tài liệu tham khảo

1. Hmelo- Silver C.E (2004) *Problem- based learning: What and how do students learn?* *Educational Psychology Review*, 16: 235-266
2. Jones B.F Rasmussen C, and Mofitt M (1996), *Real- life problem solving: A collaborative approach to interdisciplinary learning*. Washington DC: American Psychological Association
3. Kritzerow P. (1990), *Active Learning in the classroom: the use of group role plays*. *Teaching Sociology*, 18(2), 223 - 225
4. Lyman F. (1987), *Think- Pair-share: An expanding teaching technique*. MAA- CIE. *Cooperative News*, 1: 1-2
5. Osborn A.F (1963), *Applied imagination: Principles and procedures of creative problem solving (Third Revised Edition)*. New York, NY: Charles Scribner'sSon
6. Scholz R.W.and Tije Olaf (2002), *Embedded Case study Methods. Integrating Quantitative and Qualitative Knowledge*, Sage Publications. California: Thousand Oaks
7. Đặng Thành Hưng (2002), *Dạy học hiện đại- Lý luận biện pháp kỹ thuật*, NXB ĐHQGHN
8. Nghị quyết hội nghị lần thứ II Ban chấp hành trung ương khóa VIII
9. Vũ Hồng Ánh (2010), *Một số phương pháp dạy học tích cực*
10. Hồ Tấn Nhựt, Đoàn Thị Minh Trinh (Biên dịch), *Cải cách và xây dựng chương trình đào tạo kỹ thuật theo phương pháp tiếp cận CDIO*, Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM, 2009.

Thông tin tác giả

Nguyễn Thị Lan Anh, Tiến sĩ
Khoa Kế toán-Kiểm toán, Đại học Công nghiệp Hà Nội
Email: nguyenthilanh35@gmail.com

Summary

Research on application of Active Teaching Method into the lectures of “Fundamental Accounting” subject to improve quality of CDIO approach teaching in Hanoi University of Industry

Up to now, teaching activity focuses on the tradition, inactive method (where teacher presents, student accepts) that leads to limit absorption of knowledge, skills and attitude. Recent researches show Active Teaching Method gives students much improved receipt and application of learnt lessons and the Method is widely used in higher education around the world. This article presents the application of Active Teaching Method into the lectures of “Fundamental Accounting” subject to adapt output requirements of Hanoi University of Industry. Research bases on the investigation of 11 lecturers and 48 students in different classes of K10 program. The result shows that when lecturers only present students are not interested in the lectures and there is a demand to change the teaching method as well as student’s progress evaluation. The disadvantage of this research is the small sample investigated and it is necessary to carry out a research on evaluation the advantage of Active Teaching Method over the tradition teaching method.

Keywords: Active Teaching Method, CDIO approach, active teaching..

Anh Thi Lan Nguyen, PhD.
Faculty of Accounting and Audit, Hanoi University of Industry

tiếp theo trang 66

cao năng lực của giảng viên, tăng cường hoạt động cung ứng dịch vụ của thư viện theo xu hướng hiện đại và cung cấp nhiều tiện ích cho người học, rà soát và hoàn thiện khung chương trình đào tạo đảm bảo cập nhật với nhu cầu của thị trường lao động, hướng đến đạt chuẩn quốc tế. Đặc biệt, cần tăng cường gắn kết giữa đào tạo tại trường và thể thức thực tiễn bên ngoài,

hỗ trợ các hoạt động ngoại khoá nhằm gia tăng trải nghiệm và gắn kết với sinh viên của chương trình, giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng cần thiết đáp ứng nhu cầu xã hội. ■